

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 39/2021/DS-ST.

Ngày: 24-11-2021.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thái.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Bé.

Bà Huỳnh Thị Kim Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ngày 24 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2021, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2021/QĐXXST-DS, ngày 11 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2021/QĐST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1974. Địa chỉ: Số 543/4 ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm: 1970. Địa chỉ: Số 1/6A ấp H, thị trấn T, huyện C, tỉnh Long An. (Theo văn bản ủy quyền ngày 01/3/2021).

- Bị đơn:

1/ Bà Trương Thị Kim D, sinh năm: 1966.

2/ Bà Nguyễn Bảo N, sinh năm: 1995.

Cùng địa chỉ: Số 142/7 ấp 7, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

3/ Ông Phạm Khắc V, sinh năm: 1989. Địa chỉ: Số 147/51 N, phường 3, thành phố T, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Thành N, sinh năm: 1962. Địa chỉ: Số 142/7 ấp 7, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

(Bà H có mặt; bà D, bà N, ông V, ông N vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/3/2021 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T và những lời khai trình tại tòa, bà Nguyễn Thị Kim D là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 10/9/2020 bà Trương Thị Kim D, bà Nguyễn Bảo N, ông Phạm Khắc V có vay của bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 120.000.000 đồng, thỏa thuận miệng lãi suất 3%/1 tháng, thời hạn vay 02 ngày trả, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng, hai bên có lập biên nhận vay tiền ngày 10/09/2020. Quá trình vay bị đơn có trả cho bà T 02 tháng tiền lãi với số tiền là 7.200.000 đồng.

Đến hạn trả nợ bà T đã nhiều lần yêu cầu bà Trương Thị Kim D, bà Nguyễn Bảo N, ông Phạm Khắc V trả nợ nhưng các ông bà không trả. Nay bà T yêu cầu Tòa án buộc bà Trương Thị Kim D, bà Nguyễn Bảo N, ông Phạm Khắc V và ông Nguyễn Thành N trả số tiền nợ gốc vay 120.000.000 đồng, trả một lần, không yêu cầu tính lãi.

- Bà Trương Thị Kim D, bà Nguyễn Bảo N, ông Phạm Khắc V và ông Nguyễn Thành N vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Qua lời khai trình của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà Nguyễn Thị Thanh T với bà Trương Thị Kim D, bà Nguyễn Bảo N, ông Phạm Khắc V và ông Nguyễn Thành N có phát sinh tranh chấp hợp đồng vay tài sản, có lãi; việc tranh chấp và thẩm quyền giải quyết được quy định tại các Điều 26, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với bà Trương Thị Kim D, bà Nguyễn Bảo N, ông Phạm Khắc V và ông Nguyễn Thành N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng các đương sự vắng mặt không lý do. Do đó cần áp dụng các Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với các đương sự đã nêu trên.

[2] Qua lời khai trình của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy bà D, bà N, ông V, ông N đã được tổng đạt hợp lệ các thông báo, quyết định của Tòa án, biết được yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng các đương sự không có ý kiến gì, không đến Tòa án để giải quyết vụ kiện đã thể hiện ý thức không hợp tác thanh toán nợ cho nguyên đơn. Qua chứng cứ nguyên đơn xuất trình có căn cứ xác định bà D, bà N, ông V có vay và còn thiếu nợ gốc vay của bà T số tiền 120.000.000 đồng. Bà T yêu cầu bà D, bà N, ông V, ông N phải liên đới thanh toán số nợ gốc vay là 120.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu này phù hợp với quy định tại các Điều 288, 463, 466 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Đối với ông N mặc dù không có ký tên trong biên nhận vay tiền ngày 10/09/2020, nhưng số nợ vay của bà T phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông N và bà D, do đó bà T yêu cầu ông N phải có trách nhiệm liên đới thanh toán nợ là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận. Do đó, cần buộc bà D, bà N, ông V, ông N phải liên đới thanh toán số nợ gốc vay là 120.000.000 đồng cho bà T khi án

có hiệu lực pháp luật. Bà D, bà N, ông V, ông N còn phải chịu tiền lãi chậm thanh toán nợ gốc theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh T được chấp nhận nên bà D, bà N, ông V, ông N phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ($120.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 6.000.000 \text{ đồng}$). Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 288, 357, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Nguyễn Thị Thanh T đối với bà Trương Thị Kim D, bà Nguyễn Bảo N, ông Phạm Khắc V và ông Nguyễn Thành N.

Buộc bà Trương Thị Kim D, bà Nguyễn Bảo N, ông Phạm Khắc V và ông Nguyễn Thành N phải có trách nhiệm liên đới trả nợ gốc vay cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Trương Thị Kim D, bà Nguyễn Bảo N, ông Phạm Khắc V và ông Nguyễn Thành N phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 6.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Thanh T không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng, theo biên lai thu số 0000926 ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt, niêm yết hợp lệ bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Cơ quan thi hành án huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Thái